

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 426/2023/DS-ST
Ngày: 28/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 465/2022/TLST-DS ngày 09/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2023/QĐXXST-DS ngày 21/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 193/2023/QĐST-DS ngày 10/7/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: 266-268 NKKN, phường VTS, Quận Y, Tp.Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Q (Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2023, có mặt)

Địa chỉ: 324 PH, Phường V, Quận X, Tp.Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H (vắng mặt)

Địa chỉ: 65/12 ấp HL, xã BĐ, huyện HM, Tp.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoàng Q trình bày:

Ngày 16/04/2020, Ngân hàng TMCP S (Chi nhánh Quận X) có cho Bà Nguyễn Thị Thu H vay tiêu dùng theo Hợp đồng tín dụng 202024973829 với số tiền vay là 200.000.000đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng). Bà H vay vốn với mục đích tiêu dùng cá nhân (không liên quan đến người khác) và Ngân hàng cho vay thời hạn là 04

năm. Bà H phải trả vốn và lãi vào ngày 30 hàng tháng, đến ngày 16/04/2024 bà H có nghĩa vụ phải trả hết nợ cho Ngân hàng. Lãi suất được quy định cụ thể trên hợp đồng tín dụng ngày 16/04/2020, cụ thể là: Lãi suất 06 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng là 21.6%/năm. Từ tháng thứ 07 trở đi, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất huy động tiết kiệm VND 13 tháng trả lãi cuối kỳ của S + (cộng) biên độ 14%/năm và được S quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần. Trường hợp chậm trả nợ gốc, bà H phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn mà bà Hương không trả đúng hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trường hợp chậm trả lãi, bà H chịu mức lãi suất trên số dư lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian trả chậm.

Từ ngày 30/3/2022, bà H không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng như thỏa thuận mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở bà H nhiều lần. Tính đến ngày 07/4/2022, bà H đã trả cho Ngân hàng được 157.368.762đồng, trong đó trả nợ gốc là 94.048.229đồng, tiền lãi tổng cộng là 63.320.533đồng. Từ đó đến nay bà H không trả gì cho Ngân hàng nữa. Dư nợ đến ngày 28/7/2023 là 142.589.588đồng gồm nợ gốc là 105.951.771đồng và tiền lãi là 36.637.817đồng (lãi suất trong hạn hiện tại đang áp dụng là 21.10%/năm, lãi suất quá hạn là 31.65%/năm).

Nay, Ngân hàng yêu cầu cá nhân Bà Nguyễn Thị Thu H trả ngay toàn bộ số nợ tính đến hết ngày 28/7/2023 là 142.589.588đồng gồm nợ gốc là 105.951.771đồng và tiền lãi là 36.637.817đồng, và tiền lãi phát sinh kể từ 29/7/2023 cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn có địa chỉ tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tòa án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đều vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Trong quá trình tố tụng, do bị đơn không đến Tòa án để cung cấp lời khai, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3.2] Căn cứ Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 202024973829 ngày 16/4/2020 ký giữa bà Nguyễn Thị Thu H và Ngân hàng TMCP S, các bảng sao kê, bảng tính lãi và các tài liệu khác do Ngân hàng cung cấp và lời khai của Ngân hàng thì có cơ sở xác định: Ngày 16/04/2020, Ngân hàng TMCP S có cho bà H vay số tiền vay là 200.000.000đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn là 04 năm, lãi suất 06 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng là 21.6%/năm, từ tháng thứ 07 trở đi, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất huy động tiết kiệm VND 13 tháng trả lãi cuối kỳ của S + (cộng) biên độ 14%/năm và được S quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần. Bà H phải trả vốn và lãi theo lịch trả nợ (trả vào ngày 30 hàng tháng (01 kỳ), trả làm 48 kỳ, vốn gốc trả mỗi kỳ là 4.167.000đồng riêng kỳ cuối là 4.151.000đồng, kỳ trả đầu tiên là vào ngày 30/5/2020, kỳ trả cuối cùng là vào ngày 16/04/2024). Trường hợp chậm trả nợ gốc, bà H phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn mà bà H không trả đúng hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trường hợp chậm trả lãi, bà H chịu mức lãi suất trên số dư lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian trả chậm. Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn nếu bà H vi phạm bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng tín dụng.

[3.3] Tính đến ngày 07/4/2022, bà H đã trả cho Ngân hàng được 157.368.762đồng, trong đó trả nợ gốc là 94.048.229đồng, tiền lãi tổng cộng là 63.320.533đồng. Từ ngày 08/4/2022, bà H không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, vi phạm thỏa thuận được quy định tại Điều 3 của Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 202024973829 ngày 16/4/2020. Dư nợ hiện tại đến ngày 28/7/2023 là 142.589.588đồng gồm nợ gốc là 105.951.771đồng và tiền lãi là 36.637.817đồng (lãi suất trong hạn hiện tại đang áp dụng là 21.10%/năm, lãi suất quá hạn là 31.65%/năm).

[3.4] Từ đó, căn cứ quy định tại Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 202024973829 ngày 16/4/2020, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận định có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và buộc bà H trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 105.951.771đồng, tiền lãi tính đến ngày 28/7/2023 là 36.637.817đồng, tổng cộng 142.589.588đồng. Ngoài ra, bà H còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 29/7/2023 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 202024973829 ngày 16/4/2020.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 7.129.479đồng, Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 40, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 28/7/2023 là 142.589.588 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi tám đồng) gồm nợ gốc là 105.951.771 đồng (một trăm lẻ năm triệu, chín trăm năm mươi một nghìn, bảy trăm bảy mươi một đồng) và tiền lãi là 36.637.817 đồng (ba mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, tám trăm mười bảy đồng).

Ngoài ra, bà H còn phải trả cho Ngân hàng TMCP S tiền lãi phát sinh từ ngày 29/7/2023 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 202024973829 ngày 16/4/2020 giữa bà Nguyễn Thị Thu H và Ngân hàng TMCP S.

2/ Án phí:

Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí sơ thẩm là 7.129.479 đồng (bảy triệu, một trăm hai mươi chín nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.025.480 đồng (ba triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi đồng) theo Biên lai số AA/2022/0015265 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

3/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam

